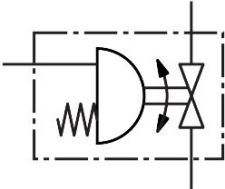


Bộ van bi VÁP-B-A-1/4-F-40-F03-PB20

Số bộ phận: 8191926



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Cấu trúc xây dựng	Van bi 2 chiều Bộ truyền động xoay
Kiểu vận hành	khí nén
Nguyên lý bít	mềm
Vị trí lắp đặt	bất kì
Kiểu gắn	Lắp đặt đường dây
Cổng nối van	Rp1/4
Hiển thị vị trí chuyển mạch	Hướng khe = hướng lưu lượng
Mẫu khoan mặt bích	F03
Chiều rộng danh nghĩa DN	15
Chức năng van	2/2
Hướng dòng chảy	có thể đảo ngược
Áp suất vận hành	0.55 MPA...0.8 MPA 5.5 bar...8 bar 79.75 psi...116 psi
Áp suất danh nghĩa phần ứng PN	40
Mômen ly khai tại chênh lệch áp suất van áp suất danh nghĩa PN	5 N m
Dựa trên tiêu chuẩn	EN 10226-1
Môi chất	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [-:~:] Khí trơ Nước - không phải hơi nước chất lỏng trung tính phương tiện lưu lượng khác theo yêu cầu
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Nhiệt độ trung bình	-10 °C...200 °C
Lưu lượng Kv	5.9 m³/h
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Vật liệu vỏ	Đồng thau, mạ niken
Số vật liệu vỏ	2.0402 CW617N
Vật liệu đệm kín ghế	PTFE

Đặc tính	Giá trị
Vật liệu của phốt	HNBR PTFE
Vật liệu khớp cầu	Đồng thau mạ crom cứng
Số vật liệu cầu	2.0401 CW614N
Vật liệu trục	Đồng thau
Số vật liệu trục	2.0401 CW614N
trọng lượng sản phẩm	1920 g
Lớp chống ăn mòn KBK	1 - ứng suất ăn mòn thấp